TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2018/DS-ST Ngày: 28/11/2018 V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy Phượng**.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: **Dương Văn Mạnh**
- Bà: **Nguyễn Thị Bé**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh nguyệt** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Văn Biên** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018; Tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn*:** Bà **Bùi N**; Sinh năm: 1990
Địa chỉ: Số 151, khu phố B, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.
Có mặt tại phiên tòa.

**** Bị đơn*:** Ông **Nguyễn T**. Sinh năm: 1955
Địa chỉ: Thôn H, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Có mặt tại phiên tòa.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***
1. Bà **Đinh S**. Sinh năm: 1960
Địa chỉ: Thôn L, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Có mặt tại phiên tòa.
2. Vợ chồng ông **Đinh N**. Sinh năm: 1941
Bà **Nguyễn P**. Sinh năm: 1942
Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.
Bà P ủy quyền cho ông N theo văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 10 năm 2018.
Ông N có mặt tại phiên tòa.
3. Vợ chồng ông **Đinh Ph.** Sinh năm: 1966
Bà **Hoàng Ng.** Sinh năm: 1971
Địa chỉ: Thôn L, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.
4. Ông **Nguyễn H**; Sinh năm: 1982
Địa chỉ: Thôn L, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 13/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn bà Bùi N trình bày thì:

Vào đầu năm 2002, mẹ của bà là Đinh V có chuyển nhượng quyền sử dụng một lô đất với chiều ngang mặt đường Quốc lộ 27 là 15 mét, chiều dài chạy hết đất khoảng hơn 100 mét với số tiền 20.000.000 đồng cho vợ chồng ông Nguyễn T, bà Đinh S. Tuy nhiên, do chỗ người nhà nên các bên không lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật mà chỉ thống nhất nội dung như trên bằng miệng.

Hiện trạng đất khi chuyển nhượng là ruộng nước, chưa đổ đất, không có cây trồng gì trên đó và không tranh chấp với ai.

Từ khi nhận chuyển nhượng đến tháng 7/2003 ông T đã trả được 15.000.000 đồng, còn 5.000.000 đồng mẹ bà (bà V) cho thiếu đến cuối năm sẽ trả hết. Và trên thực tế ông T đã nhận đất và trồng lúa trên đó và mẹ bà cũng không có ý kiến gì.

Nhưng tháng 10/2003 thì mẹ bà chết. Đầu năm 2004 bà S mang số tiền 5.000.000 đồng còn lại đến trả cho ông bà ngoại của bà (tức ông N, bà P) nhưng ông bà không nhận vì nói muốn lấy lại một phần diện tích đất đã chuyển nhượng nên ông T, bà S cầm số tiền đó về.

Khoảng 1-2 năm sau thì hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy viết tay với diện tích 900 m^2 (9m x 100m) với giá 15.000.000 đồng, bà N là người chuyển nhượng và ông T, bà S là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đã giao hợp đồng đó cho bị đơn - ông T, bà S giữ nhưng ông T không ký vào hợp đồng, bà không có bản nào vì chỉ lập một bản nên bà không thể xuất trình cho Tòa án được và do thời gian lâu nên bà không nhớ có ai ký tên làm chứng vào hợp đồng đó hay không. Hợp đồng không được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật. Diện tích đất chuyển nhượng lúc đó chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi hai bên thỏa thuận nội dung dó đến nay bà cũng chưa làm thủ tục kê khai, đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất 600m^2 (6m x 100m).

Khi chuyển nhượng, hai bên không tiến hành giao đất trên thực địa, không chỉ ranh giới, cắm mốc hay lập biên bản về việc giao đất.

Đến năm 2010, bà N phát hiện vợ chồng ông T lấn chiếm của bà 01mét chiều ngang, chiều dài hết đất và chuyển nhượng phần phía sau đất cho vợ chông ông Ph, bà Ng với chiều ngang 10mét, chiều dài 36mét. Và ông Ph, bà Ng đã làm nhà xây cấp 4, cổng, hàng rào trên diện tích đất nói trên và năm 2016 thì cho ông H thuê 400m^2 làm quán bán nước giải khát, cà phê.

Mặc dù bà đã rất nhiều lần yêu cầu nhưng ông T, bà S không đồng ý. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà S trả lại diện tích đất 100m^2(01m x 100m) tại thôn L xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng với trị giá quyền sử dụng đất là 150.000.000 đồng. Ngoài ra bà N không có yêu cầu gì.

Trong tổng diện tích đất chuyển nhượng ban đầu là 15 mét ngang có mốc cố định là giáp đất ông Nguyễn X kéo qua đến đường bê tông liên thôn. Hiện nay một phần đất đã được sử dụng làm đường (nằm trong diện tích đất của bà) nhưng bà N không có ý kiến gì về phần diện tích đất này.

Đối với việc ông T, bà S chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Ph, bà Ng và cho ông H thuê mặt bằng làm quán bán nước giải khát, cà phê đó là việc của các bên, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn ông Nguyễn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh S trình bày:

Vào năm 2003 ông có nhận chuyển nhượng 01 lô đất tại thôn L, xã R, huyện Đ của bà Đinh V với chiều ngang mặt đường quốc lộ 27 là 15 mét, chiều dài khoảng 100 mét với giá trị chuyển nhượng là 20.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng các bên chỉ thỏa thuận miệng không lập hợp đồng theo quy định của pháp luật vì ông với bà V có quan hệ cậu - cháu.

Sau đó ông có trả tiền hai lần, một lần 13.000.000 đồng, một lần 2.000.000 đồng. Tổng cộng là 15.000.000 đồng. Còn lại 5.000.000 đồng bà V cho ông thiếu lại đến cuối năm sẽ trả. Nhưng đến tháng 10/2003 bà V chết. Tháng 11/2003 vợ chồng ông đem số tiền 5.000.000 đồng còn lại để trả cho bố mẹ bà V là ông N, bà P nhưng ông bà không nhận mà nói nếu còn khó khăn thì để đó mà dùng, nếu một phần diện tích mà ông nhận chuyển nhượng của bà V bị lấy làm đường thì ông bà(tức ông N, bà P) chịu cho chỗ này vì ông N, bà P là chị gái anh rể của ông.

Đến đầu năm 2004, bà P có gặp ông và nói ông để lại 5mét ngang cho cháu N - con gái bà V để sau này nó lớn lên có chỗ ở nhưng nếu ông thấy khó thì thôi.

Sau đó, bà S mang 5.000.000 đồng xuống trả hết cho ông N, bà P thì ông bà đã nhận số tiền này. Bà P nói ông N viết giấy tờ bán đất cho ông nhưng ông N lấy lý do là chưa nhận được quyết định của Tòa án về việc bà V ly hôn với chồng nên khi nào có thì làm luôn cho đầy đủ thủ tục và giao giấy tờ đó luôn cho ông.

Một tháng sau bà P cầm tiền 5.000.000 đồng đưa bà S và nói để lấy lại 5mét đất chiều ngang, chiều dài 100 mét của lô đất đã chuyển nhượng cho ông bà. Ông bà đồng ý và nhận lại tiền từ bà P (Việc này chỉ nói miệng).

Đến năm 2005 ông N viết giấy bán đất với chiều ngang 9mét, chiều dài khoảng 100 mét tức là phần diện tích đất còn lại là 6mét ngang, chiều dài 100 mét nên ông đã không chấp nhận và không ký vào giấy đó. Vì thực tế ông nhận chuyển nhượng 10 mét chiều ngang chứ không phải 09 mét theo như giấy tờ ông N đưa ông. Sau đó, không ai có ý kiến gì nữa.

Năm 2008 ông chuyển nhượng lại một phần phía sau lô đất cho vợ chồng ông Đinh Ph và bà Hoàng Ng với chiều ngang 10 mét, chiều dài 37 mét, diện tích khoảng 370m^2, hai bên có lập hợp đồng viết tay, có chỉ ranh giới đất trên thực tế, không ai có ý kiến gì và đến năm 2012 thì ông Ph, bà Ng đã làm nhà xây cấp 4, cổng, hàng rào trên toàn bộ diện tích đất nói trên.

Đến tháng 6 năm 2016, ông cho ông Nguyễn H thuê mặt bằng và ông H đã dựng quán bán cà phê, nước giải khát với chiều ngang mặt đường 10 mét, chiều dài 40 mét, diện tích 400m^2, quán làm bằng khung sắt, lợp tôn, lán nền xi măng, hai bên có lập hợp đồng cho thuê với thời hạn là 05 năm, giá thuê là 1.000.000 đồng/tháng và cũng không ai có ý kiến gì.

Theo ông bà về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà V là nguyên lô đất với chiều ngang 15 mét, chiều dài 100 mét và khi ông bà nhận lại 5.000.000 đồng từ mẹ bà V thì các bên đã thỏa thuận lại lô đất chuyển nhượng là 1000 m^2(10m x 100 m), các bên đã không tiến hành giao mốc lại trên thực tế nên nay mới xảy ra tranh chấp.

Nay bà N khởi kiện ông bà về việc lấn chiếm 01 mét đất chiều ngang mặt đường QL27, chiều dài khoảng 100 mét, với diện tích 100m^2 ông bà không đồng ý.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh N trình bày:

Ông là ông ngoại của N (Bố đẻ của bà Đinh V), ông cũng là người nhận tiền chuyển nhượng đất trong cả hai lần từ ông T, bà S thay bà V lúc đó đang bị bệnh. Tổng cả hai lần nhận với số tiền 15.000.000 đồng. Sau đó ông T, bà S có trả cho bà Nguyễn P (vợ ông) số tiền 5.000.000 đồng còn lại nhưng ông không đồng ý và yêu cầu bà P trả lại thì ông T, bà S sau khi nhận lại tiền cũng không có ý kiến gì. Từ khi đó các bên đã tự hiểu rằng lô đất chuyển nhượng là 9m x 100 m với giá trị chuyển nhượng là 15.000.000 đồng. Ngoài ra các bên không thỏa thuận nội dung nào khác và chỉ lập một bản do cháu N ký chuyển nhượng và đưa cho bà S giữ, ông và N không giữ bản nào. Đến năm 2010 thì phát hiện ông T, bà S lấn chiếm 01 mét chiều ngang và bán cho ông Đinh Ph một nửa phía sau lô đất, N có làm đơn gởi đến Ủy ban nhân dân xã R để yêu cầu giải quyết vào năm 2016 và 2017 nhưng đơn yêu cầu không đảm bảo nên xã đã trả đơn để làm lại. Ông không có hồ sơ, giấy tờ gì để cung cấp cho Tòa án về việc nộp đơn này. Đến năm 2018 thì thủ tục hoàn tất và được Ủy ban nhân dân xã R tổ chức hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng không thành. Nay ông yêu cầu ông T bà S trả lại cho bà N 100 m^2 (1m x 100m) đất mà ông T, bà S đã lấn chiếm. Ngoài ra ông không có ý kiến gì thêm.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ quan vợ chồng ông Đinh Ph, Hoàng Ng trình bày: Năm 2008 ông bà có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn T, bà Đinh S với chiều ngang là 10 mét, chiều dài 37 mét theo mặt đường bê tông liên thôn với giá 30.000.000 đồng. Hai bên có lập giấy tờ viết tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương, ông bà là người giữ hợp đồng nhưng trong quá trình làm nhà đã bị thất lạc do đó không xuất trình cho Tòa án được. Sau khi nhận chuyển nhượng ông bà đã làm nhà xây cấp 4, cổng hàng rào trên toàn bộ diện tích đất nói trên. Nay các bên tranh chấp ông bà không có yêu cầu gì vì diện tích đất đó vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng của ông T, bà S không liên quan đến bà N, ông N, mà từ khi nhận sang nhượng đến giờ cũng không ai có ý kiến hay tranh chấp gì.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H trình bày: Vào tháng 6 năm 2016 ông có thuê mặt bằng với diện tích 400m^2(10m x 40m) của ông T, bà S để mở quán bán cà phê và nước giải khát, các bên có lập hợp đồng thuê và thỏa thuận thời hạn thuê là 05 năm với giá thuê là 1.000.000 đồng/tháng. Sau khi thuê ông có tiến hành dựng quán là khung sắt, lợp tôn, nền xi măng trên toàn bộ diện tích đất này và sử dụng ổn định đến nay không ai tranh chấp. Nay vợ chồng ông T, bà S và bà N có tranh chấp nhưng không liên quan đến ông nên ông không có ý kiến, yêu cầu gì.

Vụ án được Tòa án hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng; Về việc giải quyết vụ án: Không chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi N về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn T, bà Đinh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông Nguyễn H, vợ chồng ông Đinh Ph, bà Hoàng Ng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Đinh N viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn T trả lại diện tích đất đã lấn chiếm với chiều ngang mặt đường Quốc lộ 27 là 01 mét và chiều dài khoảng 100 mét với diện tích khoảng 100m^2 tọa lạc tại thôn L, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, giá trị quyền sử dụng đất là 150.000.000 đồng. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" giữa nguyên đơn bà N và bị đơn ông Nguyễn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Đ theo quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Từ những căn cứ trên xét ý kiến, yêu cầu của các bên như sau:

Xét nguồn gốc sử dụng đất của ông T, bà S: Bà Đinh V và ông Bùi TH ly hôn theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn số: 09/QĐLH ngày 30 tháng 3 năm 1998 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 2002, bà Đinh V và vợ chồng ông Nguyễn T, bà Đinh S có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đối với một lô đất tại thôn L, xã R, huyện Đ có chiều ngang 15 mét mặt đường quốc lộ 27, chiều dài chạy hết đất (khoảng 100 mét) với giá trị chuyển nhượng là 20.000.000 đồng, thỏa thuận này không lập thành hợp đồng theo quy định của pháp luật, không tiến hành giao ranh giới và cắm mốc đất trên thực tế mà cho rằng chuyển nhượng quyền sử dụng nguyên lô đất và ông T, bà S đã nhận đất và sử dụng trồng lúa trên diện tích đất đó nhưng không ai có ý kiến gì. Từ lúc thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho đến tháng 7/2003 vợ chồng ông T đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà V được 15.000.000 đồng, còn thiếu lại 5.000.000 đồng bà Vcho vợ chồng ông T, bà S nợ cuối năm trả. Nhưng đến tháng 10/2003 bà V chết làm phát sinh quyền và nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại cho những thừa kế theo pháp luật ở hàng thừa kế thứ nhất của bà V bao gồm: cha mẹ đẻ là ông Đinh N, bà Nguyễn P, con đẻ là Bùi T và Bùi N. Tuy nhiên ông Bùi T đã làm văn bản từ chối nhận di sản thừa kế vào ngày 18/5/2017 tại Văn phòng Công chứng M. Sau khi bà V chết thì ông T, bà S tiếp tục trả cho vợ chồng ông N, bà P là bố mẹ đẻ của bà V số tiền 5.000.000 đồng còn lại nhưng ông N, bà P không nhận lại mà nói chỉ chuyển nhượng phần diện tích đất tương ứng với số tiền 15.000.000 đồng, còn phần diện tích còn lại không chuyển nhượng mà để cho N sau này lớn lên làm chỗ ở thì ông T, bà S đã đồng ý và nhận lại số tiền 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bên không thống nhất về diện tích đất chuyển nhượng vì không được lập thành văn bản, không giao đất trên thực tế nên không có cơ sở để chứng minh và cũng không có ai làm chứng nên xảy ra tranh chấp.

Việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đối với lô đất có chiều ngang là 15 mét, chiều dài chạy hết đất khoảng 100 mét, diện tích ước lượng khoảng 1.500m^2 với giá trị chuyển nhượng là 20.000.000 đồng giữa bà Đinh V và vợ chồng ông Nguyễn T, bà Đinh S là có thật và các bên đều công nhận và phía bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật, bà V cũng đã giao đất trên thực tế cho vợ chồng ông T, bà S canh tác. Đến năm 2008, ông T, bà S chuyển nhượng một phần lô đất cho vợ chồng ông Ph, bà Ng và năm 2016 thì cho ông H thuê mặt bằng dựng quán bán cà phê, nước giải khát nhưng không

ai có ý kiến gì. Phía nguyên đơn cho rằng có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Đạ Rsal giải quyết tranh chấp nhưng không xuất trình được tài liệu chứng minh.

Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng ông T, bà S nhận chuyển nhượng quyền sử dụng của bà V một lô đất khi đó khoảng 1.500m^2 trị giá 20.000.000 đồng nên khi ông Tiến, bà Sáu đã trả được 15.000.000 đồng sẽ tương đương với bình quân diện tích 1.125 m^2. Số diện tích còn lại sẽ là 375 m^2. Nhưng các bên lại không có nội dung thỏa thuận gì khác và không giao nhận thêm khoản tiền nào. Do đó, ý kiến của bị đơn về việc các bên đã chuyển nhượng quyền sử dụng lô đất có diện tích 1.000 m^2 (10 m x 100 m) là có cơ sở và diện tích đất còn lại của bà V sẽ là 500m^2 (5 m x 100 m bao gồm cả phần diện tích đã được sử dụng để làm đường) sẽ tương ứng với số tiền 5.000.000 đồng nên nguyên đơn cho rằng bị đơn lấn chiếm diện tích đất 100m^2(1 m x 100 m) là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Theo kết quả đo vẽ của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ diện tích đất bị đơn đang sử dụng diện tích đất 1.116 m^2 (10m x 111.6m) và diện tích các bên tranh chấp là 125.8m^2 thuộc các thửa 34, 35,36,37 tờ bản đồ số 15 xã Đạ Rsal, huyện Đ lô đất tọa lạc tại thôn L, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng trên đất có một phần quán của ông H, một phần nhà, cổng, hàng rào, mái hiên nhà ông Ph, bà Ng.

[4] ***Về chi phí tố tụng***: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí xác minh, chi phí đo vẽ, chi phí thẩm định giá tài sản tranh chấp với tổng số tiền 13.500.000 đồng(Mười ba triệu năm trăm ngàn đồng) do nguyên đơn nộp là cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên cần buộc nguyên đơn chịu toàn bộ số chi phí này.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc nguyên đơn bà Bùi N phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 50 Luật đất đai 2003, các Điều 100, 166, 170, 203 Luật đất đai 2013, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi N về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" với bị đơn ông Nguyễn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh S đối với diện tích đất 128.5 m^2 thuộc một phần các thửa 34,35,36,37 tờ bản đồ số 15 xã R, huyện Đ(có họa đồ đo vẽ kèm theo bản án).

2. ***Về chi phí tố tụng***: Buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng với số tiền 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm ngàn đồng) và bà N đã nộp đủ và Tòa án nhân dân huyện Đ đã thanh quyết toán xong.

3. ***Về án phí***: Buộc nguyên đơn bà Bùi N phải nộp 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 3.750.000 đồng tạm ứng án phí bà Bùi N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003616 ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Bùi N còn phải nộp số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDH. Đ;
- CC THADS H. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thúy Phượng